

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/KDTM-ST

Ngày: 24/9/2019

Về việc: *Tranh chấp Hợp đồng
Tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM – TP. HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kinh

2. Bà Chu Thị Khuê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2015/TLST-KDTM ngày 05/01/2015, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXX-ST ngày 15/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐKDTM – ST ngày 06/9/2019, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần C

Trụ sở: 108 Đ, H, H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê T – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ủy quyền cho:

a, Ông Chu Văn H – Phó giám đốc chi nhánh Thành phố Hà Nội.

b, Bà Nguyễn Thị Thu H – Cán bộ ngân hàng (có mặt).

Trụ sở chi nhánh: số 6 Q, H, H.

***Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn V.

Trụ sở: số 41 Q, H, H.

Đại diện theo pháp luật: ông Lê Xuân D – Giám đốc (vắng mặt).

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1977, hộ khẩu thường trú: số 1, ngõ y đường T, P, quận Đ, H (vắng mặt).

2. Bà Trương Diệp L, sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: số Đ, Đ, T, H (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn T D, sinh năm 1980, hộ khẩu thường trú: V1, xóm 19A, xã N, L, H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng thương mại cổ phần C và các đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ngày 07/7/2010 Ngân hàng thương mại cổ phần C (gọi tắt là Ngân hàng) đã ký Hợp đồng tín dụng số 100/2010/PGD7-TV (gọi tắt là Hợp đồng 1) với Công ty trách nhiệm hữu hạn V (sau đây gọi tắt là V) để đầu tư mua 01 bộ máy in hiệu FLORA Moden PP2512UV-K xuất xứ T Quốc mới 100% với số tiền vay là 973.000.000 đồng và thế chấp chính 01 bộ máy in hiệu FLORA Moden PP2512UV-K xuất xứ T Quốc trên theo Hợp đồng thế chấp số 01-TC/2010/P7-TV ngày 17/7/2010.

Thực hiện Hợp đồng 1, V đã trả gốc và lãi cho Ngân hàng. Tính tới thời điểm ngày 23/7/2019 thì V còn phải trả cho Ngân hàng số tiền của Hợp đồng tín dụng trên với số tiền gốc là: 288.000.000 đồng; tiền lãi là: 429.839.299 đồng; lãi phạt quá hạn là: 151.977.413 đồng.

Tài sản thế chấp của Hợp đồng 1 là: 01 bộ máy in hiệu FLORA Moden PP2512UV-K hiện V đang quản lý.

Ngày 15/8/2011 Ngân hàng tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số 127/2011/PGD7-TV (gọi tắt là Hợp đồng 2) với V để cho vay số tiền là 500.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Số 1 ngõ 639 đường Hoàng Hoa Thám, Vĩnh phúc, Ba Đình, Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AE 827053 do Ủy ban nhân dân quận Ba Đình cấp ngày 19/7/2006 là tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Quốc T và bà Trương Diệp L.

Thực hiện Hợp đồng 2, V đã trả gốc và lãi cho Ngân hàng. Do V không có điều kiện trả nợ tín dụng, ông Nguyễn Quốc T và bà Trương Diệp L đã trả gốc và lãi cho V đối với Ngân Hàng. Ngân Hàng đã giải chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AE 827053 do Ủy ban nhân dân quận Ba Đình cấp ngày 19/7/2006 cho ông Nguyễn Quốc T và bà Trương Diệp L. Tính tới thời điểm ngày 23/7/2019 thì V còn phải trả cho Ngân hàng số tiền của Hợp đồng tín dụng trên với tiền lãi là: 74.241.736 đồng; lãi phạt quá hạn là: 31.731.979 đồng.

Ngày 26/12/2011 Ngân hàng tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số 02-2011-CNTPHN-TV (gọi tắt là Hợp đồng 3) với V để cho vay số tiền là 200.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: xã Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AE 766948 do Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm cấp ngày 15/12/2006 là tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn T D.

Thực hiện Hợp đồng 3, V đã trả gốc và lãi cho Ngân hàng. Do V không có điều kiện trả nợ tín dụng, ông Nguyễn T D đã trả gốc và lãi cho V đối với Ngân Hàng. Ngân Hàng đã giải chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AE 766948 do Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm cấp ngày 15/12/2006 cho ông ông Nguyễn T D. Tính tới thời điểm ngày 23/7/2019 thì V còn phải trả cho Ngân hàng số tiền của Hợp đồng tín dụng trên với tiền lãi là: 24.466.118 đồng; lãi phạt quá hạn là: 6.978.892 đồng.

*** Công ty V trình bày:**

Theo Hợp đồng 1 với lãi suất 15%, có thời điểm 22,5%, thời gian vay là 52

tháng. Tính đến thời điểm ngày 21/07/2015 thì V còn phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 288.000.000đồng; tiền lãi là: 249.051.445đồng; lãi phạt là: 72.226.542đồng. V đồng ý trả gốc, còn lãi và lãi phạt V xin xem xét xóa toàn bộ lãi.

Ngoài ra V vay theo Hợp đồng 2 ngày 15/8/2011 và Hợp 3 ngày 26/12/2011 đối với Ngân hàng. Các Hợp đồng 2, Hợp đồng 3 đã được giải chấp. V chỉ vay một phần và trả đầy đủ. Anh Quân cán bộ biết việc này. Cho nên V không đồng ý trả tiền lãi và lãi phạt quá hạn của 02 Hợp đồng này.

*** Ông T, bà L trình bày:**

Vợ chồng ông có thể chấp tài sản là nhà số 1, ngõ 639 đường T, P, quận Đ, H cho V vay tín dụng đối với Ngân hàng. Hiện tại vợ chồng ông đã tắt toán hợp đồng thế chấp với Ngân hàng và lấy lại Giấy chứng nhận. Giữa Vợ chồng ông và ông D giám đốc V không có vay mượn nợ nần gì. Khi vay tín dụng trên thì vợ chồng ông nhận 400.000.000 đồng và ông D nhận 100.000.000 đồng. Vợ chồng ông đã tắt toán hợp đồng hơn 600.000.000 đồng để lấy lại Giấy chứng nhận từ Ngân hàng. Còn việc ông D giám đốc V đối với Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng trên là việc của V, vợ chồng ông không có ý kiến gì. Vợ chồng ông đã trả nợ toàn bộ số tiền gốc theo Hợp đồng 2 cho Ngân hàng, số tiền lãi còn lại V có trách nhiệm. Vợ chồng ông xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử.

Ngày 08/6/2015 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ 01 bộ máy in hiệu FLORA Moden PP2512UV-K hiện V đang quản lý tại 672 Ngõ Gia Tự, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày luận cứ như sau:

- Ngân hàng vẫn giữ yêu cầu khởi kiện V về việc không trả nợ tiền vay theo Hợp đồng tín dụng: số 100/2010/PGD7-TV ngày 07/07/2010; Hợp đồng tín dụng số 127/2011/PGD7-TV ngày 15/08/2011; Hợp đồng tín dụng số 02-2011-CNTPHN-TV ngày 26/12/2011 do vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

- Buộc V phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi vay tính đến ngày 24/09/2019 và số tiền lãi vay, lãi trong hạn và lãi quá hạn phát sinh sau ngày 24/09/2019 (kể cả lãi chậm Thi hành án) cho Ngân hàng.

Tổng số nợ tính đến ngày 24 tháng 09 năm 2019 là: 881.156.712 đồng

Trong đó:	- Nợ gốc:	288.000.000 đồng
	- Lãi trong hạn:	437.399.299 đồng
	- Lãi quá hạn:	155.757.413 đồng

- Trong trường hợp V không trả được nợ, Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm tuyên Ngân hàng được quyền yêu cầu các cơ quan chức năng phát mại các tài sản thuộc sở hữu của bên thế chấp đã thế chấp tại Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cho V gồm: 01 bộ máy in hiệu FLORA Moden PP2512UV-K hiện V đang quản lý.

Trường hợp tài sản đảm bảo nêu trên không đủ để thanh toán hết khoản nợ của V thì V có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho đến khi tắt toán xong khoản nợ.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành

phố Hà Nội:

- **Về tố tụng:** Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi nghị án thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Việc đề vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử cần rút kinh nghiệm.

- **Về Nội dung:**

V có trụ sở tại số 41 Q, H, H nên thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

Các đương sự đã được triệu tập hợp L đến phiên tòa lần thứ 2, nhưng họ vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét Hợp đồng 1 với nội dung Ngân hàng cho V vay số tiền số tiền vay là 973.000.000 đồng, Hợp đồng 2 Ngân hàng cho V vay số tiền là 500.000.000 đồng và Hợp đồng 3 Ngân hàng cho V vay số tiền là 200.000.000 đồng thì giữa Ngân hàng và V đều được thỏa thuận và ký kết là hoàn toàn tự nguyện, đúng với các quy định của Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng; các quy chế, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng. Do đó các Hợp đồng này là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật. Nay V đã vi phạm các Hợp đồng về nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn trả nợ gốc, lãi nên việc Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ nên Tòa án đã thụ lý và chấp nhận đơn khởi kiện là đúng quy định pháp luật. V phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền theo đúng thỏa thuận trong các các Hợp đồng. V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].**Về tố tụng:** Ngày 17/11/2014, Ngân hàng khởi kiện V về tranh chấp Hợp đồng 1, V có trụ sở tại số 41 Q, H, H nên thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân quận H, Thành phố H theo khoản 1, Điều 30; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 21/9/2015 Ngân hàng bổ sung đơn khởi kiện đối với V về Hợp đồng 2, Hợp đồng 3. Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí bổ sung khởi kiện nên tòa án giải quyết luôn trong cùng vụ án là đúng quy định pháp luật.

V, ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Diệp L, ông Nguyễn T D đã được tổng đạt đầy đủ, đúng quy định các văn bản tố tụng và triệu tập hợp L đến phiên tòa lần thứ 2, nhưng họ vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].**Về nội dung:**

Xét Hợp đồng 1 với nội dung Ngân hàng cho V vay số tiền số tiền vay là 973.000.000 đồng, Hợp đồng 2 Ngân hàng cho V vay số tiền là 500.000.000 đồng và Hợp đồng 3 Ngân hàng cho V vay số tiền là 200.000.000 đồng thì giữa Ngân

hàng và V đều được thỏa thuận và ký kết là hoàn toàn tự nguyện, đúng với các quy định của Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng; các quy chế, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng. Do đó các Hợp đồng này là hợp pháp, có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp đồng 1, Hợp đồng 2, Hợp đồng 3. Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân, V đã nhận đủ số tiền vay theo các Hợp đồng.

[3]. Quá trình thực hiện Hợp đồng 1, V đã vi phạm Hợp đồng 1 về nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn trả nợ gốc, lãi từ ngày 07/11/2012, Ngân hàng đã có Thông báo nợ quá hạn đối với V. Do V không thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi từ tháng 11/2012 nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ nên Tòa án đã thụ lý và chấp nhận đơn khởi kiện, V phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng 1 đã ký nêu trên với tổng số tiền gốc, lãi, lãi quá hạn tính đến ngày 24/09/2019 là: 743.737.987 đồng.

- Để đảm bảo cho các khoản vay 973.000.000 đồng của V, V đã thế chấp 01 bộ máy in hiệu FLORA Moden PP2512UV-K đối với Ngân hàng. Nay V đã vi phạm Hợp đồng 1 về nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu các cơ quan chức năng phát mại các tài sản thuộc sở hữu của bên thế chấp đã thế chấp tại Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cho V gồm: 01 bộ máy in hiệu FLORA Moden PP2512UV-K hiện V đang quản lý.

[4]. Quá trình thực hiện Hợp đồng 2, V đã vi phạm Hợp đồng 2 về nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn trả nợ gốc, lãi. Ngân hàng đã có Thông báo nợ quá hạn đối với V. Vợ chồng ông T, bà L đã tắt toán hợp đồng toàn bộ tiền gốc Hợp đồng 2 và một phần tiền lãi cho Ngân hàng phù hợp với quy định trong Hợp đồng thế chấp mà ông T, bà L đã ký với Ngân hàng. Ngân hàng đã tạo điều kiện giao lại Giấy chứng nhận cho ông T, bà L và giải chấp là đúng quy định pháp luật. V phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng 2 đã ký nêu trên với tổng số tiền lãi, lãi quá hạn tính đến ngày 24/09/2019 là: 105.973.715 đồng.

[5]. Quá trình thực hiện Hợp đồng 3, V đã vi phạm Hợp đồng 3 về nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn trả nợ gốc, lãi. Ngân hàng đã có Thông báo nợ quá hạn đối với V. Ông D đã tắt toán hợp đồng toàn bộ tiền gốc Hợp đồng 3 và một phần tiền lãi cho Ngân hàng phù hợp với quy định trong Hợp đồng thế chấp mà ông D đã ký với Ngân hàng. Ngân hàng đã tạo điều kiện giao lại Giấy chứng nhận cho ông D và giải chấp là đúng quy định pháp luật. V phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng 3 đã ký nêu trên với tổng số tiền lãi, lãi quá hạn tính đến ngày 24/09/2019 là: 31.445.010 đồng.

Các trình bày và đề nghị khác của các đương sự không phù hợp với quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên tòa án chấp nhận.

[12]. Về án phí: V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3, Điều 26; khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2, Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.
- Các Điều 318; 342; 355, 471; 474; 476 và khoản 2, Điều 305 Bộ luật dân sự 2005;
- Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Pháp Lnh án phí, L phí Toà án ngày 27.02.2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, L phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C.

1.1. Hợp đồng tín dụng: số 100/2010/PGD7-TV ngày 07/07/2010; Hợp đồng tín dụng số 127/2011/PGD7-TV ngày 15/08/2011 và Hợp đồng tín dụng số 02-2011-CNTPHN-TV ngày 26/12/2011 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C và Công ty trách nhiệm hữu hạn V là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

1.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn V đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn trả nợ gốc, lãi của các Hợp đồng tín dụng: số 100/2010/PGD7-TV ngày 07/07/2010; Hợp đồng tín dụng số 127/2011/PGD7-TV ngày 15/08/2011 và Hợp đồng tín dụng số 02-2011-CNTPHN-TV ngày 26/12/2011 đối với Ngân hàng thương mại cổ phần C.

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn V có nghĩa vụ thanh toán ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần C toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 100/2010/PGD7-TV ngày 07/7/2010 với số tiền tính đến ngày 24/09/2019 là:

+ Nợ gốc:	288.000.000 đồng.
+ Lãi trong hạn:	338.691.445 đồng.
+ Lãi quá hạn:	117.046.542 đồng.
Tổng cộng:	743.737.987 đồng.

2.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn V còn phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 100/2010/PGD7-TV sau ngày 24/09/2019 cho Ngân hàng thương mại cổ phần C đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.2. Kể từ ngày bản án của tòa án có hiệu lực mà Công ty trách nhiệm hữu hạn V không thực hiện trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C toàn bộ số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 100/2010/PGD7-TV đã ký kết thì Ngân hàng thương mại cổ phần C được quyền yêu cầu các cơ quan

chức năng phát mại các tài sản thuộc sở hữu của bên thế chấp đã thế chấp tại Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V gồm: 01 bộ máy in hiệu FLORA Moden PP2512UV-K hiện Công ty trách nhiệm hữu hạn V đang quản lý.

3. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn V có nghĩa vụ thanh toán ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần C toàn bộ số tiền nợ lãi, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 127/2011/PGD7-TV ngày 15/8/2011 với số tiền tạm tính đến ngày 24/09/2019 là:

+ Lãi trong hạn: 74.241.736 đồng

+ Lãi quá hạn: 31.731.979 đồng

Tổng cộng: 105.973.715 đồng.

4. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn V có nghĩa vụ thanh toán ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần C toàn bộ số tiền nợ lãi, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 02-2011-CNTPHN-TV ngày 26/12/2011 với số tiền tạm tính đến ngày 24/09/2019 là:

+ Lãi trong hạn: 24.466.118 đồng

+ Lãi quá hạn: 6.978.892 đồng

Tổng cộng: 31.445.010 đồng.

5. Trường hợp tài sản đảm bảo nêu trên không đủ để thanh toán hết khoản nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn V thì Công ty trách nhiệm hữu hạn V có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C cho đến khi tất toán xong khoản nợ.

6. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Về án phí:

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn V phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 38.434.000 đồng.

2. Ngân hàng thương mại cổ phần C được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 13.240.000 đồng đã nộp theo biên lai số 00290 ngày 30/12/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

3. Ngân hàng thương mại cổ phần C được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 3.435.000 đồng đã nộp theo biên lai số 00783 ngày 28/9/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

- Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty trách nhiệm hữu hạn V, ông Nguyễn Quốc T, bà Trương Diệp L, ông Nguyễn T D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục Thi hành án dân sự Hoàn Kiếm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN NGỌC HÒA